

TỈNH ỦY THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Thái Nguyên, ngày 27 tháng 4 năm 2021

ĐIỂM THI

PHẦN III.1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ, NN&PL XHCN
LỚP TCLLCT-HC HỆ KHÔNG TẬP TRUNG KHÓA 1, TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC TN

STT	Họ và tên	Số báo danh	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
1	Nguyễn Thế Anh	01	31	7,5	Bảy rưỡi	
2	Lại Thị Ngọc Anh	02	66	7,5	Bảy rưỡi	
3	Nguyễn Thị Ánh	03	79	8,0	Tám	
4	Ngô Thị Mỹ Bình	04	82	8,0	Tám	
5	Nguyễn Thị Bình	05	18	7,5	Bảy rưỡi	
6	Hoàng Thị Lệ Chi	06	07	7,0	Bảy	
7	Vũ Thành Chung	07	25	8,0	Tám	
8	Hoàng Minh Cương	08	42	7,5	Bảy rưỡi	
9	Lương Thị Kiều Diễm	09	45	7,5	Bảy rưỡi	
10	Nguyễn Thị Thanh Dung	10	09	7,0	Bảy	
11	Lý Thị Phương Dung	11	37	7,5	Bảy rưỡi	
12	Mai Đức Dũng	12	56	7,0	Bảy	
13	Nguyễn Tiến Duy	13	61	7,5	Bảy rưỡi	
14	Nguyễn Thị Bạch Dương	14	73	8,0	Tám	
15	Trịnh Quỳnh Giang	15	84	7,0	Bảy	
16	Nguyễn Thu Giang	16	54	7,0	Bảy	
17	Dương Trung Hà	17	78	7,0	Bảy	
18	Bùi Thị Hà	18	65	7,5	Bảy rưỡi	
19	Bùi Thị Việt Hà	19	27	7,0	Bảy	
20	Nguyễn Thị Thúy Hà	20	81	8,0	Tám	
21	Đỗ Thị Lệ Hằng	21	59	7,0	Bảy	
22	Phó Thị Thúy Hằng	22	03	7,0	Bảy	

STT	Họ và tên	Số báo danh	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
23	Vũ Thị Thu Hằng	23	80	8,0	Tám	
24	Phạm Thu Hiền	24	68	8,0	Tám	
25	Vũ Thu Hiền	25	01	7,0	Bảy	
26	Trần Quang Hiếu	-	-	-	-	Không đủ ĐK dự thi
27	Lê Thị Hòa	26	76	8,0	Tám	
28	Trần Thế Hoàng	27	15	7,0	Bảy	
29	Bùi Thị Hợi	28	67	7,5	Bảy rưỡi	
30	Hoàng Thị Huế	29	49	7,5	Bảy rưỡi	
31	Hoàng Thị Minh Huệ	30	60	8,0	Tám	
32	Phạm Minh Huệ	31	62	7,5	Bảy rưỡi	
33	Đỗ Minh Hương	32	36	7,5	Bảy rưỡi	
34	Mạc Xuân Huy	33	34	7,5	Bảy rưỡi	
35	Nguyễn Thị Thu Huyền	34	33	7,0	Bảy	
36	Nguyễn Văn Kiên	35	29	7,0	Bảy	
37	Vũ Ngọc Kiên	36	40	7,5	Bảy rưỡi	
38	Phùng Chí Kiên	37	-	-	-	Vắng thi
39	Vì Thị Phương Lan	38	11	8,0	Tám	
40	Nguyễn Thị Tuyết Lan	39	38	8,0	Tám	
41	Đặng Thị Ngọc Lan	40	70	7,5	Bảy rưỡi	
42	Nông Thị Hồng Lê	41	51	8,0	Tám	
43	Nguyễn Thị Lệ	42	43	8,0	Tám	
44	Dương Danh Liêm	43	16	7,0	Bảy	
45	Phạm Kim Liên	44	46	7,0	Bảy	
46	Vũ Thị Kim Liên	45	85	8,0	Tám	
47	Đinh Phương Liên	46	08	7,5	Bảy rưỡi	
48	Đồng Thị Thùy Linh	47	30	7,0	Bảy	
49	Lương Thị Hương Loan	48	32	7,5	Bảy rưỡi	
50	Lưu Thị Thanh Mai	49	77	7,0	Bảy	

STT	Họ và tên	Số báo danh	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
51	Đặng Đức Minh	50	35	7,5	Bảy rưỡi	
52	Triệu Thành Nam	51	26	7,0	Bảy	
53	Lương Thị Quỳnh Nga	52	28	7,5	Bảy rưỡi	
54	Hoàng Thị Mai Nga	53	21	7,0	Bảy	
55	Phạm Thị Nga	54	71	7,0	Bảy	
56	Dương Ngọc Ngà	55	58	8,0	Tám	
57	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	56	17	7,5	Bảy rưỡi	
58	Hồ Xuân Nhàn	57	41	7,5	Bảy rưỡi	
59	Nguyễn Thị Hồng Nhung	58	13	8,0	Tám	
60	Nguyễn Thị Phượng	59	22	7,0	Bảy	
61	Nguyễn Hữu Quân	60	24	8,0	Tám	
62	Nguyễn Văn Quế	61	64	7,0	Bảy	
63	Phạm Thị Quyên	62	69	7,5	Bảy rưỡi	
64	Nguyễn Thu Quỳnh	63	55	7,5	Bảy rưỡi	
65	Đỗ Thị Phương Quỳnh	64	10	7,5	Bảy rưỡi	
66	Đỗ Thái Sơn	65	23	7,0	Bảy	
67	Phạm Thị Thanh Tâm	66	04	7,0	Bảy	
68	Hoàng Văn Thắng	67	20	7,5	Bảy rưỡi	
69	Nông Phúc Thắng	68	14	7,5	Bảy rưỡi	
70	Trần Thị Thanh Thảo	69	52	7,0	Bảy	
71	Nguyễn Thị Phương Thảo	70	48	8,0	Tám	
72	Lý Thị Thoa	71	50	7,5	Bảy rưỡi	
73	Lê Phong Thu	72	44	7,5	Bảy rưỡi	
74	Nguyễn Hoài Thu	73	86	8,0	Tám	
75	Nông Thị Anh Thư	74	75	7,5	Bảy rưỡi	
76	Nguyễn Duy Thư	75	74	8,0	Tám	
77	Lê Thị Bích Thuận	76	72	8,0	Tám	
78	Trần Xuân Thường	77	47	7,0	Bảy	

STT	Họ và tên	Số báo danh	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
79	Trương Thị Hồng Thúy	78	12	7,0	Bảy	
80	Đào Thị Thủy	79	83	7,0	Bảy	
81	Đỗ Thị Trang	80	63	7,5	Bảy rưỡi	
82	Vũ Thị Như Trang	81	39	7,5	Bảy rưỡi	
83	Lương Hoàng Trường	82	57	7,5	Bảy rưỡi	
84	Mai Anh Tuấn	83	06	7,0	Bảy	
85	Hoàng Duy Tường	84	02	7,5	Bảy rưỡi	
86	Phạm Anh Văn	85	19	7,0	Bảy	
87	Đông Thị Hoàng Yến	86	05	7,5	Bảy rưỡi	
88	Quản Thị Liên Hương	87	53	7,5	Bảy rưỡi	

**PHÒNG QLĐT&NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Thị Hồng Mây

**KHOA NN&PL
TRƯỞNG KHOA**



Lê Minh Hường

**K/T HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Phạm Minh Chuyên